

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/09/2024
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Phượng
2. Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn V, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 06, ngõ 281, đường T, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: ngõ 202, đường T, phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: anh V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn anh Đinh Văn V trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Đinh Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2023 tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống ở nhà mẹ đẻ anh V tại số 06, ngõ 281, đường T, phố T, phường N, thành phố N được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không giải quyết được. Khoảng tháng 5 năm 2023 vợ chồng thuê nhà ở riêng nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện vẫn tiếp tục cãi chửi nhau nên khoảng tháng 01/2024

anh V dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn chị N vẫn tiếp tục ở nhà đã thuê tại ngõ 202, đường T, phố Đ, phường T, thành phố N. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh V xác định cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị N.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng chị N không đến làm việc và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc quyết định hoãn phiên tòa đúng với quy định tại điều 227, 233 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện là không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Đinh Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Văn V được ly hôn với chị Đinh Thị N.

Về án phí ly hôn: anh Đinh Văn V phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000255 ngày 16/4/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, bị đơn chị N cư trú tại phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: anh V là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N là bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn V và chị Đinh Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2023 tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Từ **tháng 01/2024** anh chị đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh V xác định không còn tình cảm với chị N và xin ly hôn, chị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, chứng tỏ chị N cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh V.

Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa anh V với chị N và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh V xác định không có không yêu cầu giải quyết, quá trình Tòa án giải quyết chị N không có ý kiến gì nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Đinh Văn V phải chịu án phí đối với vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Đinh Văn V đối với Chị Đinh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Anh Đinh Văn V ly hôn Chị Đinh Thị N (quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đinh Văn V phải chịu 300.000^d. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000255 ngày 16/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

5. Quyền kháng cáo: anh V, chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường N, TPNB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

